

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 17/5/2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Huỳnh Sơn Tây.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Tiên G, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 3, ấp H, xã Th, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt;

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1985; thường trú: Ấp X, xã M, huyện U, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Tổ 4, khu phố P, phường R, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tiên G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tiên G và ông Phạm Văn T1 có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện U, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88, quyền số I, ngày 06/9/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, tôn trọng lẫn nhau nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 thường xuyên bỏ nhà đi, nghiện cá độ bóng đá, nợ nần nhiều, không quan tâm và không phụ giúp bà G trong các công việc của gia đình cũng như chăm sóc con cái, một mình bà G phải bươn chải để lo cho gia đình và chăm sóc các con. Bà G đã nhiều lần khuyên răn nhưng ông T1 vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Hiện nay, cuộc sống của ai người đó lo, ông T1 và bà G đã ly

thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Tiên G yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thảo V, sinh ngày 27/6/2011 và Phạm Bảo N, sinh ngày 20/5/2022. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Tiên G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông Phạm Văn T1 cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tiên G tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tiên G có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Tiên G và ông Phạm Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Bà G xác định hiện nay vợ chồng không còn sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên mong muốn được ly hôn. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Bà G yêu cầu được nuôi hai con chung, xét thấy hiện nay bà G đang nuôi con, điều kiện nuôi con được đảm bảo, các con có nguyện vọng sống cùng bà G nên cần giao hai con cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng; bà G tự nguyện không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi các con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thành phố T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tiên G có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Phạm Văn T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tiên G và ông Phạm Văn T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện U, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88, quyển số I, ngày 06/9/2010, là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng là do ông T1 không quan tâm đến gia đình và các con, nghiện cờ bạc dẫn đến nợ nần làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; hiện tại cả hai không còn chung sống với nhau nữa và cũng không đưa ra được biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà G xác định không còn tình cảm với ông T1 và yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 không đến Tòa án cho thấy ông không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời bà G kiên quyết xin ly hôn. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G và ông T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà G yêu cầu ly hôn với ông T1 là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thảo V, sinh ngày 27/6/2011 và Phạm Bảo N, sinh ngày 20/5/2022. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Tiên G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Hội đồng xét xử thấy, hiện tại hai cháu V và N đang sống cùng bà G nên cần giữ ổn định về chỗ ở để không ảnh hưởng tâm lý của trẻ. Bà G có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con và các con cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai cháu Vy và Nhi cho bà G nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà G không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tiên G về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Phạm Văn T1.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Tiên G được ly hôn với ông Phạm Văn T1.

- *Về con chung*: Giao hai con chung tên Phạm Thảo V, sinh ngày 27/6/2011 và Phạm Bảo N, sinh ngày 20/5/2022 cho bà Nguyễn Thị Tiên G được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Tiên G và ông Phạm Văn T1 đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Tiên G không yêu cầu ông Phạm Văn T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tiên G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001922 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- CCTHADS thành phố T;
- UBND xã M, huyện U, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Tâm**